Giảm nghèo
và
Mạng lưới An sinh Xã hội (SSN)

22/3/2010

Hiroto ARAKAWA

Tổ chức Hợp tác Quốc tế Nhật Bản

Tổng kết 2 cuộc khủng hoảng:

Những phản ứng khác nhau của Cộng đồng Quốc tế và Nhận thức chung về Mạng lưới An sinh Xã hội (SSN)

Khủng hoảng Tiền tệ Châu Á 1997

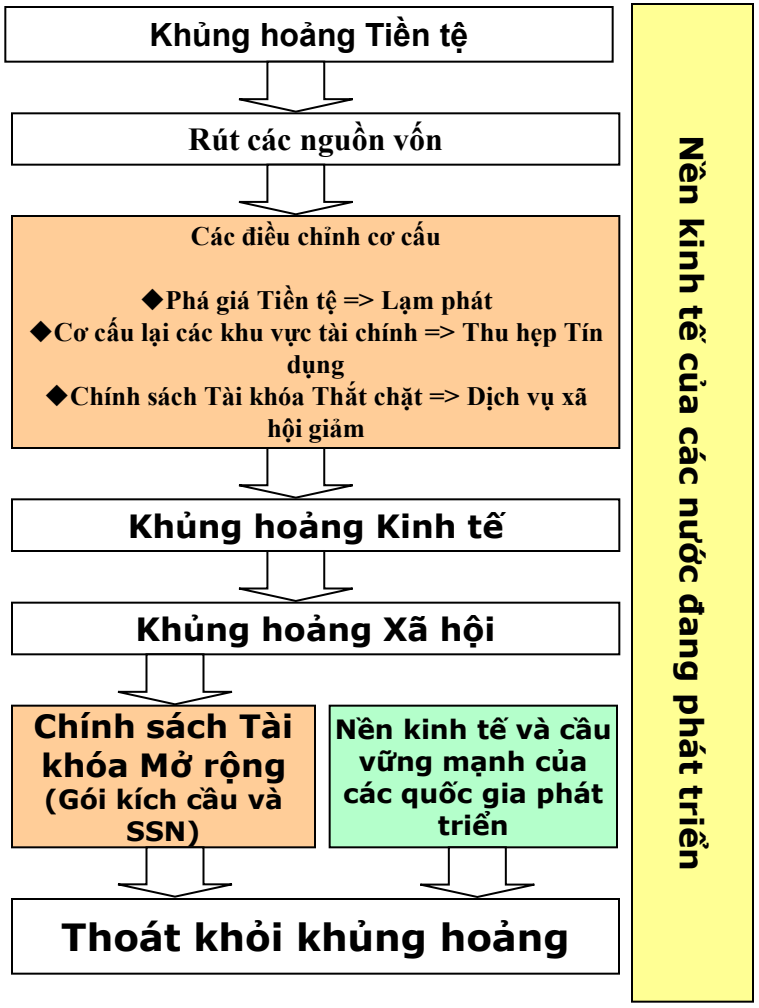

Khủng hoảng Kinh tế Tài chính năm 2008

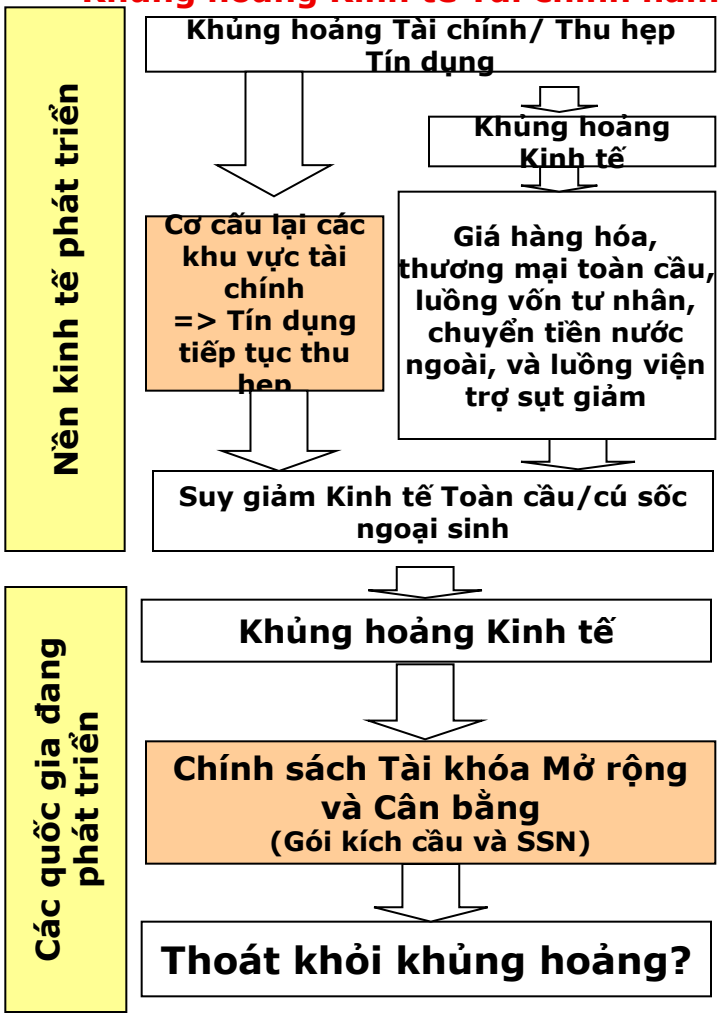

Mối quan hệ giữa kế hoạch tăng trưởng và giảm nghèo ở Châu Á và khu vực khác

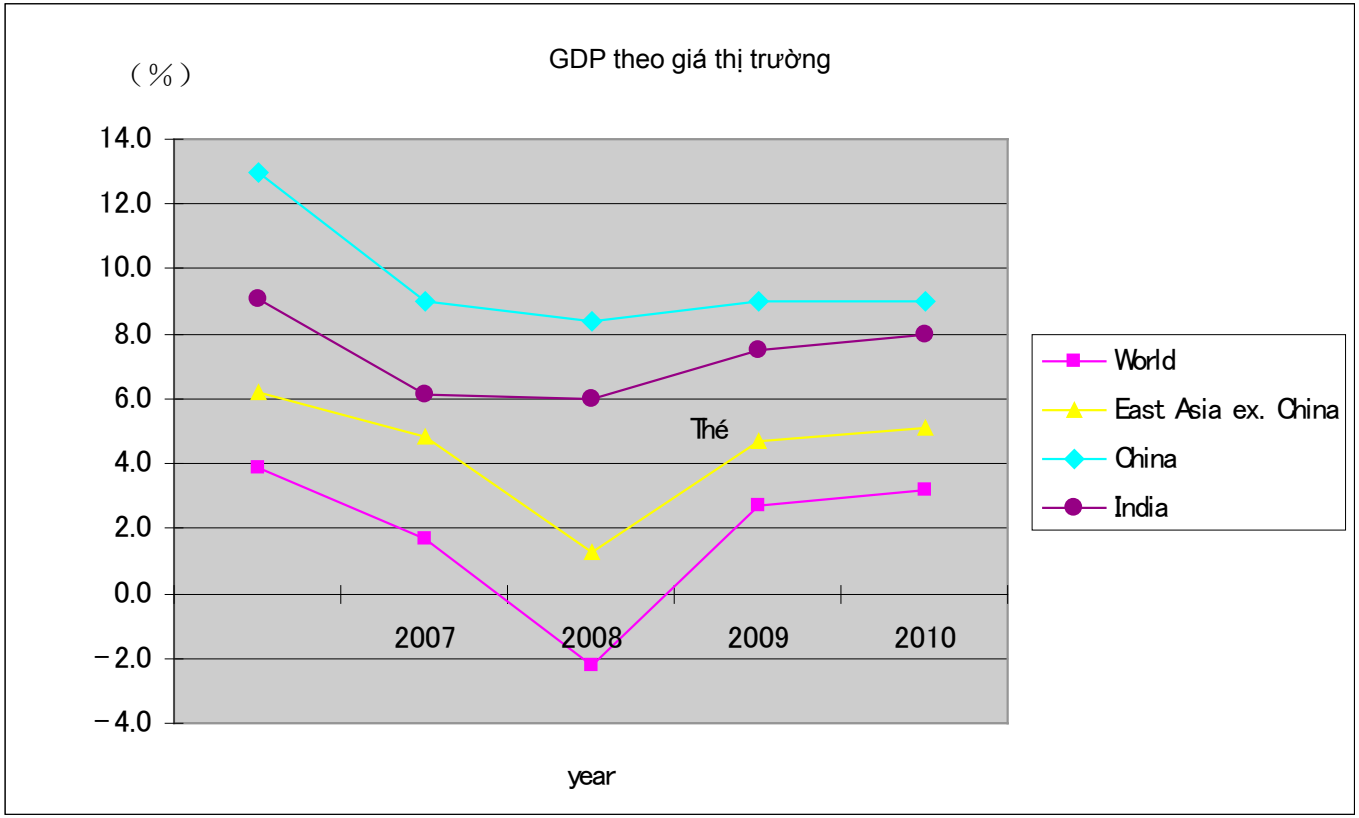

Các dự báo do Nhóm Triển vọng Phát triển Ngân hàng Thế giới đưa ra vào ngày 10/12/2009.

Mối quan hệ giữa kế hoạch tăng trưởng và giảm nghèo ở Châu Á và khu vực khác

- Khủng hoảng kinh tế toàn cầu tác động tới tiến trình chống đói nghèo

Tỷ lệ người dân có mức sống dưới 1,25USD một ngày, 1990, 1999 và 2005 (phần trăm)

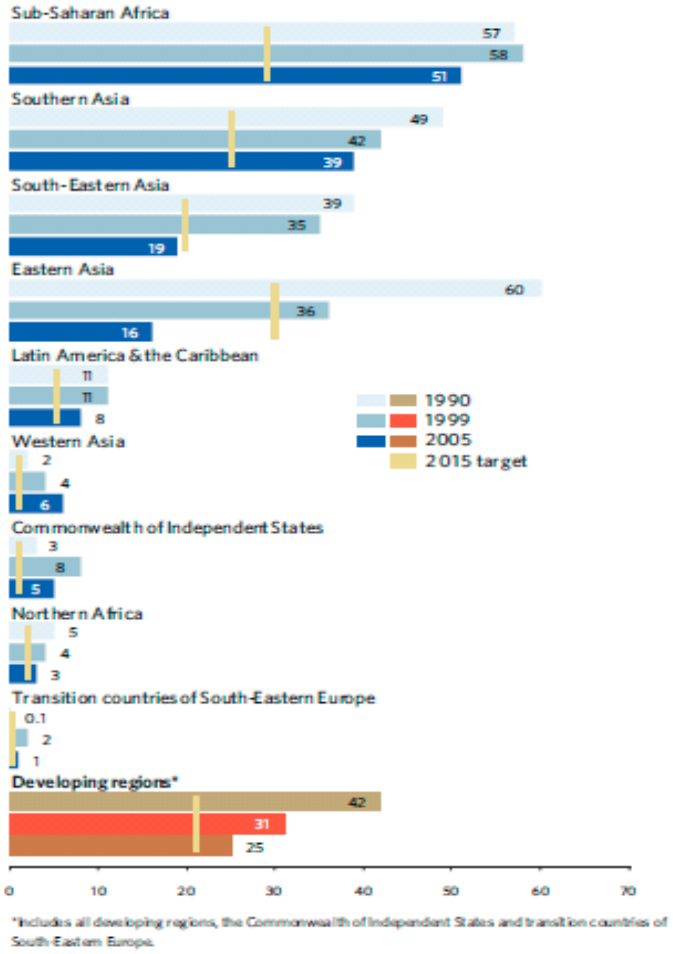

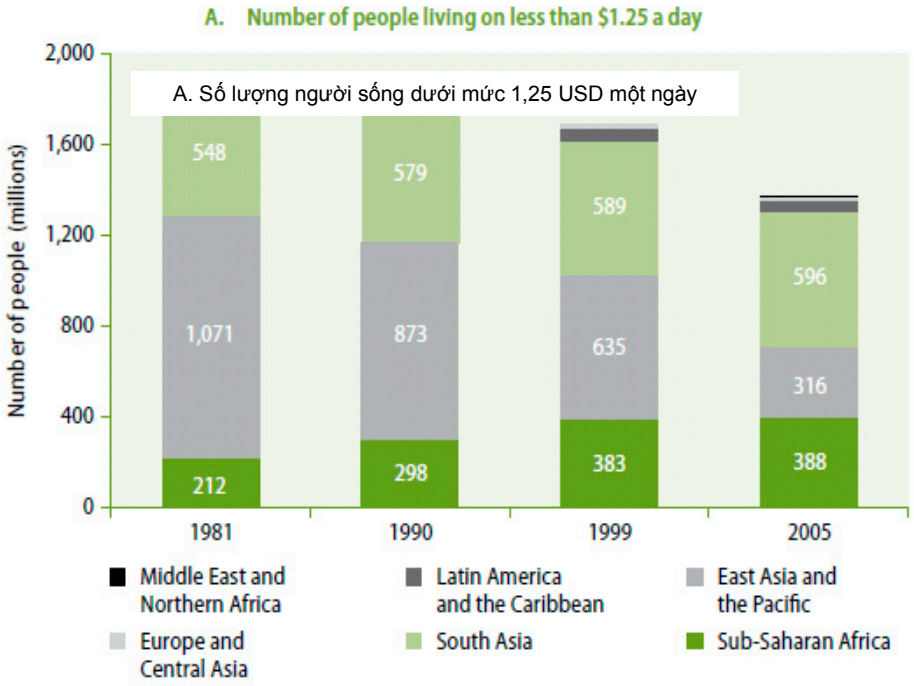

Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Nhóm Nghiên cứu Phát triển (2009)

Xu hướng của Cấu trúc Đầu tư, Tiết kiệm và Tiêu dùng tại Châu Á kể từ năm 1997

Môi trường kinh tế tại ASEAN
Ngoại trừ Miến điện, Campuchia, Lào và Việt nam

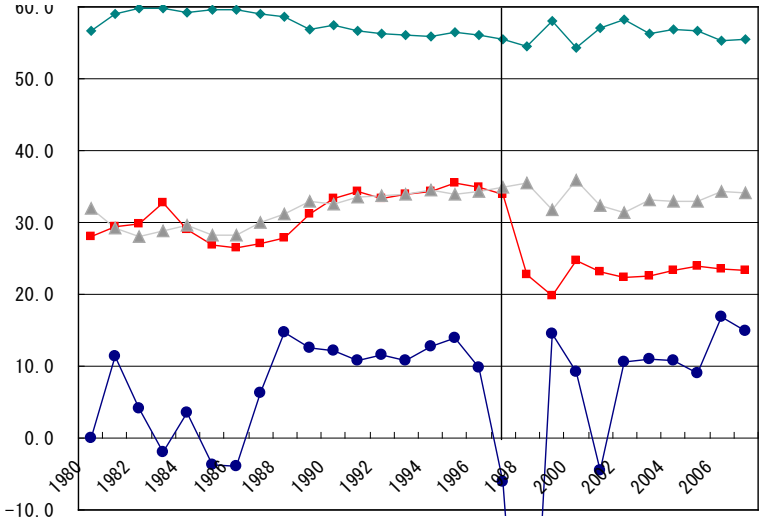

Môi trường kinh tế của Trung Quốc

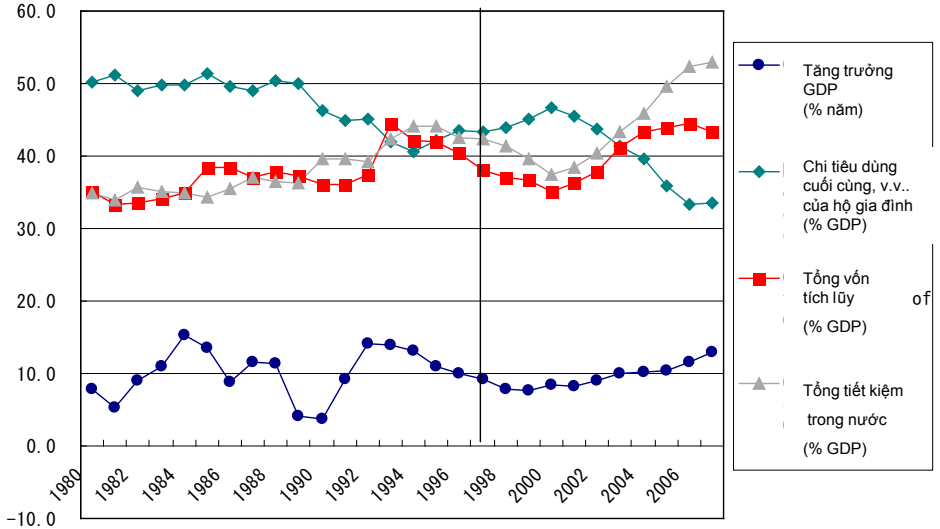

Môi trường kinh tế của Ấn độ

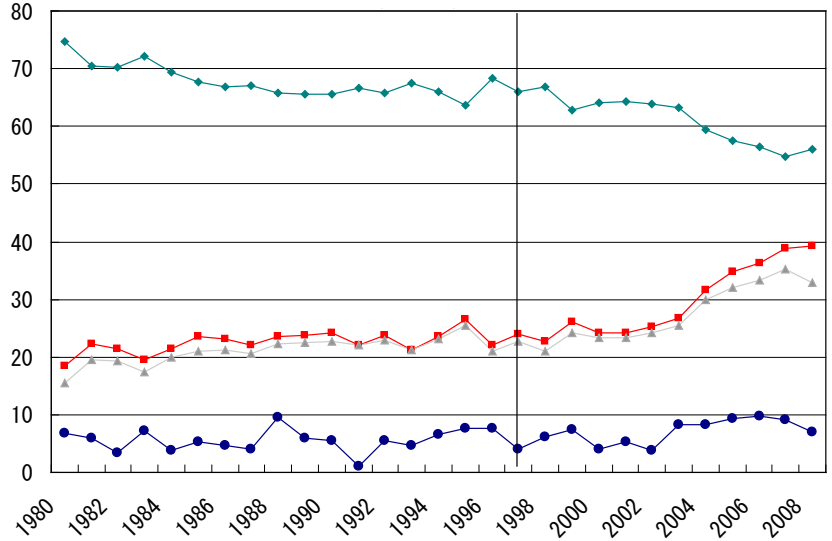

Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Các Chỉ số Phát triển Thế giới, Ngân hàng Thế giới (T12/2009)

Các lựa chọn chính sách đối phó với cú sốc từ bên ngoài (Ổn định tài khóa tự động)

Khủng hoảng Tài chính và Kinh tế Toàn cầu 2008

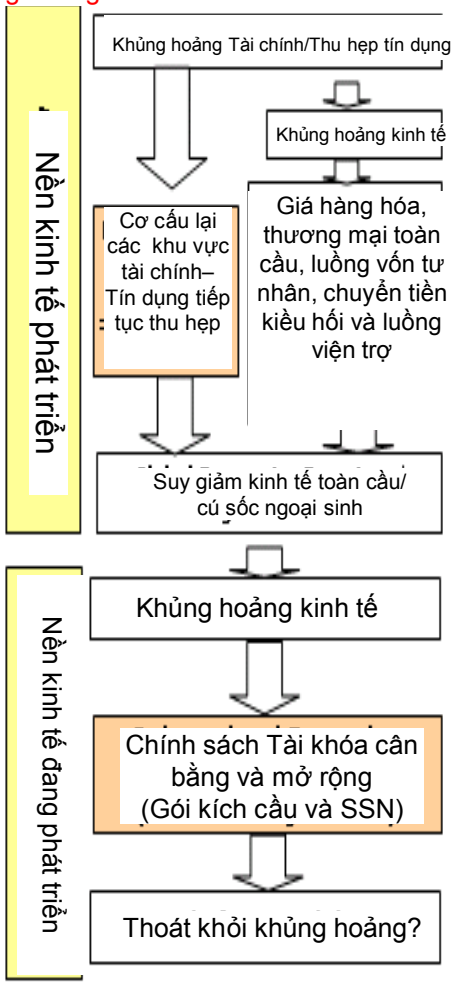

	Khu vực	Chính sách SSN		SSN trong khu vực phi chính thức
		Hệ thống an sinh xã hội	Các chính sách công khác	
Tác động tới thu nhập	Việc làm	Bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm đền bù cho người lao động	Sắp xếp việc làm, dạy nghề, các dự án công trình công, và chương trình tạo việc làm cộng đồng	Lao động dư thừa được khu vực nông thôn tiếp nhận
Tác động tới dịch vụ xã hội	Y tế	Bảo hiểm y tế	Y tế Công cộng Dịch vụ y tế cho người nghèo	Tương trợ giữa các hộ gia đình và cộng đồng địa phương Hỗ trợ của các tổ chức từ thiện như tổ chức phi chính phủ và các nhóm tôn giáo
Tác động tới giá và thu nhập	Bảo đảm thu nhập	Lương hưu, bảo hiểm nhân thọ có tiền thưởng, bảo hiểm chăm sóc người già	Lợi ích phúc lợi (sự trợ giúp của khu vực công), trợ cấp xã hội bao gồm chăm sóc trẻ em, trợ cấp lương thực, trợ cấp nhiên liệu (kiểm chế giá bằng cách trao hiện vật và/hoặc tiền mặt), (trợ cấp tiền mặt có điều kiện)	Tương trợ giữa các hộ gia đình và cộng đồng địa phương
Impact on Social Service	Social Welfare		Dịch vụ xã hội cho người khuyết tật, người già, bà mẹ và trẻ em, và trẻ em	Tương trợ giữa các hộ gia đình và cộng đồng địa phương Hỗ trợ của các tổ chức từ thiện như tổ chức phi chính phủ và các nhóm tôn giáo

Nguồn: Hiroi và Komamura (2003) “An sinh xã hội ở châu Á” (Tác giả biên tập)

Thay đổi về nhu cầu phát triển đối với Mạng lưới an sinh xã hội theo sự phát triển kinh tế

Các cấu trúc nhân khẩu học và gia đình	Các cấu trúc công nghiệp	Chăm sóc sức khỏe và y tế		Hưu trí	Công ăn việc làm và lao động
Hệ thống tương trợ chính giữa các gia đình và cộng đồng địa phương	Trước khi công nghiệp hóa	Nhóm 1 Các bệnh truyền nhiễm	<u>Chính sách và khuôn khổ</u> ▪Các chính sách y tế công cộng (hàng hóa công)		
			<u>Cung cấp dịch vụ</u> ▪Dịch vụ y tế thông qua bác sĩ và các trung tâm y tế tư nhân (chăm sóc cơ bản)		
Sự xuất hiện và tăng lên của người lao động thành thị, tan rã các hệ thống tương trợ trong cộng đồng Hệ thống an sinh xã hội hướng tới doanh nghiệp và các gia đình nhiều thế hệ	Bắt đầu giai đoạn công nghiệp hóa	Nhóm 2 Các bệnh mãn tính	<u>Chính sách và khuôn khổ</u> ▪Phát triển bảo hiểm y tế cho công chức và sỹ quan quân đội ▪Mở rộng phạm vi bảo hiểm cho người lao động trong các doanh nghiệp	<u>Chính sách và khuôn khổ</u> ▪Phát triển các hệ thống cho công chức và bộ đội ▪Mở rộng phạm vi cho các lao động trong doanh nghiệp	<u>Chính sách và khuôn khổ</u> ▪ Phát triển hệ thống bảo lãnh thu nhập cho công chức và bộ đội sỹ quan ▪ Phát triển lương tối thiểu, bảo hiểm thất nghiệp, bồi thường nghỉ việc, v.v) cho những người làm việc cho doanh nghiệp
			<u>Cung cấp dịch vụ</u> ▪Cung cấp dịch vụ y tế thông qua bệnh viện ▪ Phát triển công nghệ tiên tiến thông qua hệ thống điều chuyển nơi điều trị và thuốc men tư nhân.		<u>Các biện pháp khác</u> ▪ Tạo công ăn việc làm cho những người lao động khu vực phi chính thức thông qua đầu tư công sử dụng nhiều lao động, phát triển nông thôn, và xúc tiến các doanh nghiệp nhỏ và vừa. ▪ Phát triển khuôn khổ thay thế việc làm
	Giai đoạn giữa quá trình công nghiệp hóa		<u>Chính sách và khuôn khổ</u> ▪ Mở rộng phạm vi cho nông dân và những người lao động tự làm chủ	<u>Chính sách và khuôn khổ</u> ▪Mở rộng phạm vi cho nông dân và những người lao động tự làm chủ	
Sự già đi của dân số, sự tham gia của phụ nữ trong xã hội, tăng khả năng dịch chuyển việc làm Hệ thống an sinh xã hội hướng tới từng cá nhân	Chuyển sang xã hội kinh tế dịch vụ	Nhóm 3 Các bệnh thoái hóa	<u>Chính sách và khuôn khổ</u> ▪Cơ cấu lại hệ thống bảo hiểm y tế toàn diện	<u>Chính sách và khuôn khổ</u> Cơ cấu lại khuôn khổ toàn diện và duy trì sự bền vững	<u>Chính sách và khuôn khổ</u> ▪Cơ cấu lại khuôn khổ toàn diện ▪Áp dụng các hệ thống cho những thách thức mới
			<u>Cung cấp dịch vụ</u> ▪Cung cấp dịch vụ y tế tại nhà hoặc thông qua cộng đồng ▪Bắt đầu các dịch vụ phúc lợi và điều dưỡng		

Nguồn: Hiroi và Komamura (2003) “An sinh xã hội ở châu Á” (Tác giả biên soạn)

Sự phát triển của châu Á và Giảm nghèo
Sự xuất hiện của tầng lớp trung lưu trong ASEAN

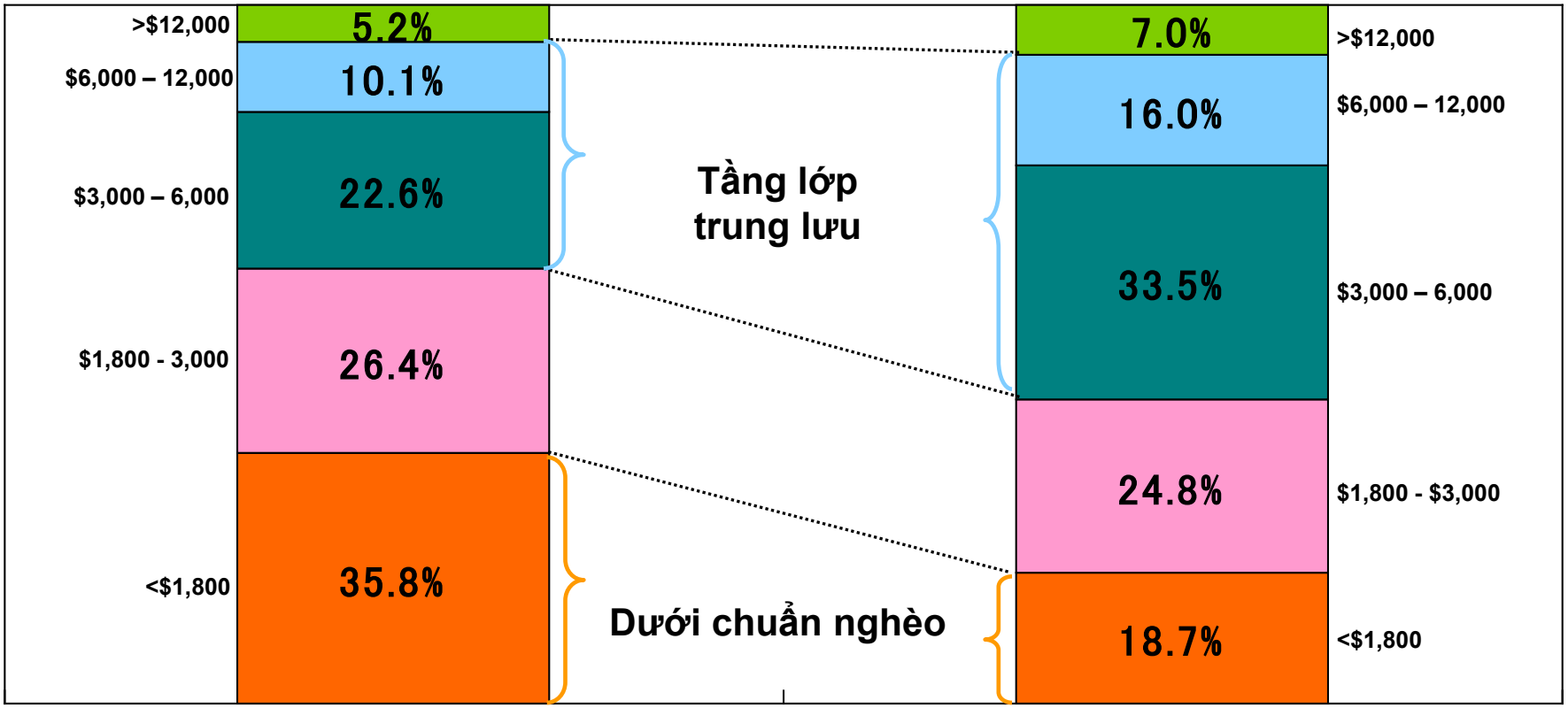

1994–1996

Tổng dân số = 429.14 triệu

2004–2006

Tổng dân số = 501.11 triệu

Ghi chú: (1) Các quốc gia ASEAN ngoại trừ Brunei, Miến Điện, và Singapore. (2) Đơn vị: USD trên cơ sở PPP 2005.
(3) Cho các gia đình với 4 người.

Nguồn dữ liệu: PovcalNet của Ngân hàng Thế giới (http://go.worldbank.org/NT2A1XUWP0).

Phát triển và Giảm nghèo
Sự xuất hiện của tầng lớp trung lưu tại Trung Quốc

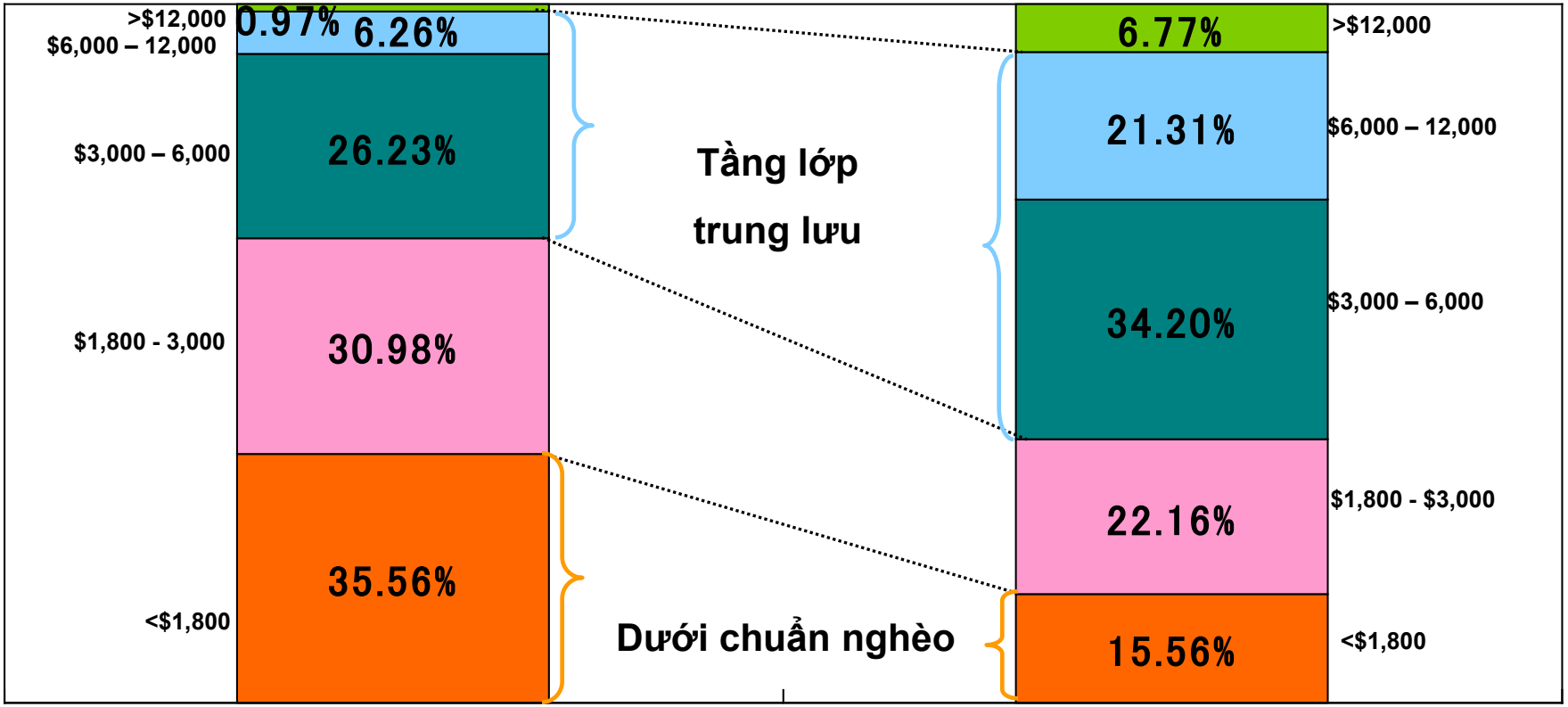

1994–1996

Tổng dân số = 1217.5 triệu

2004–2006

Tổng dân số = 1304.5 triệu

Ghi chú: (1) Bằng USD trên cơ sở PPP năm 2005. (2) Đối với một gia đình có 4 người.

Nguồn số liệu: PovcalNet của Ngân hàng Thế giới (http://go.worldbank.org/NT2A1XUWP0).

Phát triển và Giảm nghèo
Sự xuất hiện của tầng lớp trung lưu tại Ấn độ

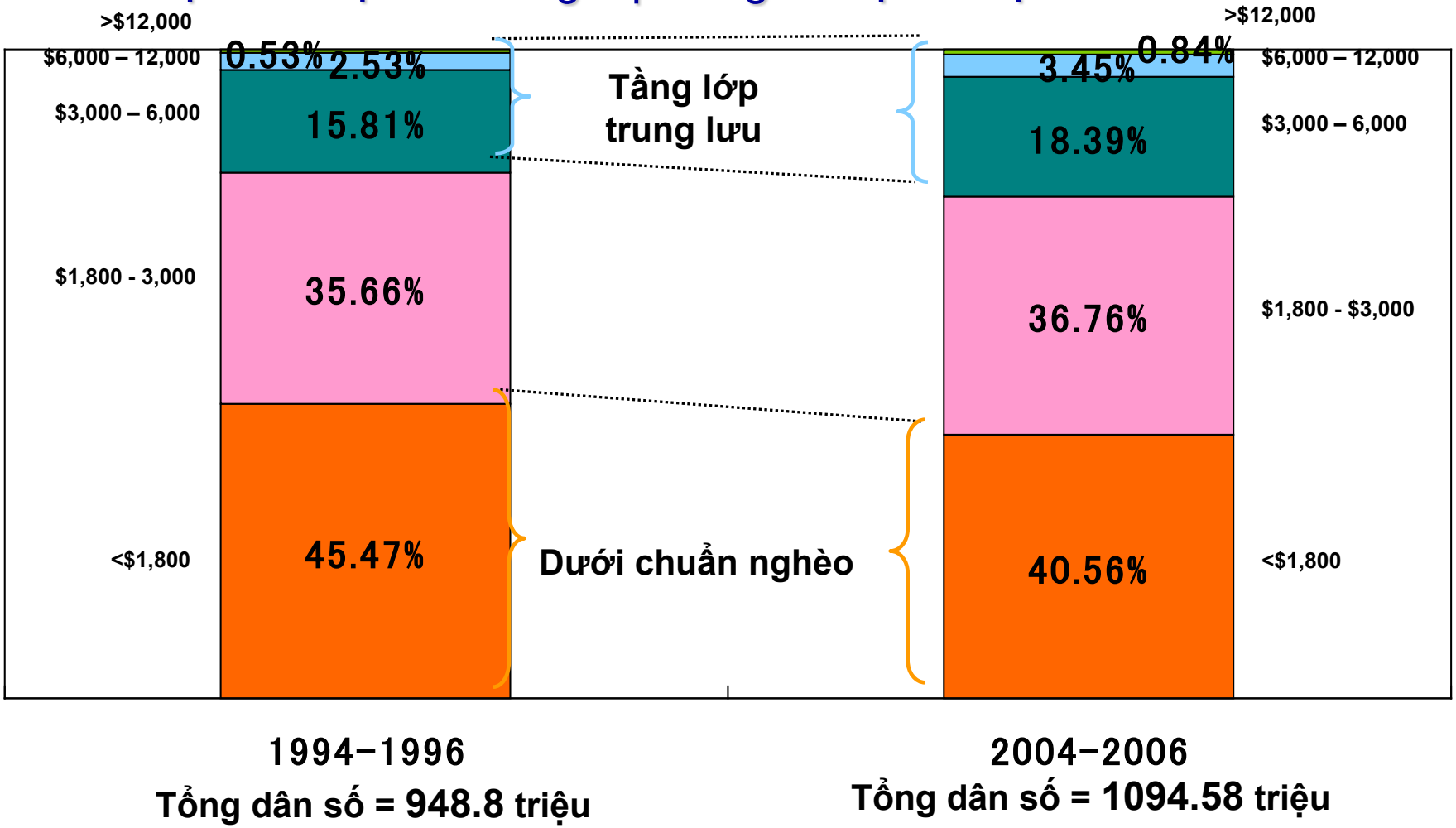

1994–1996
Tổng dân số = 948.8 triệu

2004–2006
Tổng dân số = 1094.58 triệu

Ghi chú: (1) Bằng USD trên cơ sở PPP năm 2005. (2) Đối với một gia đình có 4 người.
Nguồn số liệu: PovcalNet của Ngân hàng Thế giới (http://go.worldbank.org/NT2A1XUWP0).

Cải thiện hệ thống an sinh xã hội trong bối cảnh những hạn chế về ngân sách

- Chính sách việc làm (có thể thay thế và bổ sung những chính sách sau trong bối cảnh Chính phủ đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế và có những hạn chế về ngân sách)

→ Xúc tiến Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa, Đầu tư công sử dụng nhiều lao động

- Mạng lưới an sinh cho người nghèo (tạo động cơ để phát triển nguồn vốn con người bền vững)）

→ Từ việc trợ cấp tiền mặt không điều kiện tới trợ cấp tiền mặt có điều kiện

- Mạng lưới an sinh cho tăng trưởng kinh tế (tạo động cơ để phát triển nguồn vốn con người ở mức cao）

→ Hệ thống an sinh xã hội cho khu vực chính thức

-Một vấn đề xuất hiện-

Tốc độ già đi của dân số ở các nước Đông Á và Đông Nam Á

(Năm)

	Tỷ lệ già đi		Số năm để tỷ lệ này tăng gấp đôi
	7%	14%	
Japan	1970	1994	24
Korea	1999	2017	18
Hong Kong	1983	2014	31
Singapore	2000	2016	16
Thailand	2005	2027	22
Malaysia	2019	2044	25
Indonesia	2019	2041	22
Philippines	2026	2049	23
China	2001	2026	25
India	2024	2051	27

Nguồn: Số liệu thống kê từ Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc, “Xem xét sự già đi của dân số ở các nước đang phát triển, nghiên cứu của JICA

-Một vấn đề xuất hiện-

Biến đổi Khí hậu

Tác động của việc mức nước biển tăng
Đông Á

	1m	2m	3m	4m	5m
Diện tích (Tổng = 14.140.767 m2)					
Diện tích bị tác động	74,020	119,370	178,177	248,970	325,089
% tổng diện tích	0.52	0.84	1.26	1.76	2.30
Dân số (Tổng = 1.883.407.000)					
Số dân bị tác động	37,193,866	60,155,640	90,003,580	126,207,275	162,445,397
% tổng dân số	1.97	3.19	4.78	6.70	8.63
GDP (Tổng = 7,577,206 triệu USD)					
GDP bị tác động	158,399	255,510	394,081	592,598	772,904
% GDP	2.09	3.37	5.20	7.82	10.20
Khu vực thành thị (Tổng = 388,054 km2)					
Diện tích bị tác động	6,648	11,127	17,596	25,725	34,896
% Tổng diện tích	1.71	2.87	4.53	6.63	8.99
Khu vực nông thôn (Tổng = 5,472,581 km2)					
Diện tích bị tác động	45,393	78,347	121,728	174,076	229,185
% Tổng diện tích	0.83	1.43	2.22	3.18	4.19
Khu vực đầm lầy (Tổng = 1,366,069 km2)					
Diện tích bị tác động	36,463	56,579	79,984	110,671	130,780
% Tổng diện tích	2.67	4.14	5.86	8.10	9.57

Nguồn: Tài liệu nghiên cứu chính sách số 4136 của Ngân hàng Thế giới, Tháng 2/ 2007

Ý nghĩa chính sách

1. Cải thiện mạng lưới an sinh xã hội có thể đóng góp vào việc giải quyết những mất cân đối thông qua tăng cường đầu tư trực tiếp/gián tiếp và tiêu dùng
2. Trước các hạn chế về ngân sách và nguồn vốn xã hội, các nhà hoạch định chính sách cần kết hợp giữa trợ cấp tiền mặt có mục tiêu phù hợp và với chất lượng cao, an sinh xã hội và các chính sách việc làm có thể bổ trợ cho an sinh xã hội.
3. Cải thiện mạng lưới an sinh xã hội có thể đóng góp cho tăng trưởng kinh tế thông qua tích lũy nguồn lực con người.
4. Cần phát triển mạng lưới an sinh xã hội, có cân nhắc tới tốc độ già đi của dân số.
5. Cải thiện mạng lưới an sinh xã hội một cách phù hợp có thể giúp làm giảm tính dễ bị tổn thương của người nghèo xuất phát từ những vấn đề mới xuất hiện chẳng hạn như thay đổi khí hậu.

Giảm nghèo và
Mạng lưới An sinh Xã hội (SSN)

Trường hợp Inđônêxia
(như một ví dụ về Nhóm 2)

Hệ thống an sinh xã hội hiện tại ở Inđônêxia
Các thách thức chính

- Mạng lưới an sinh công cộng cung cấp dịch vụ cho ít hơn 20% lực lượng lao động, còn lại khoảng 70% trong khu vực phi chính thức (tại khu vực này, chủ yếu là lao động lương thấp) hầu như chưa tiếp cận được mạng lưới này.
- Giáo dục dạy nghề là cần thiết cho những lao động trong khu vực phi chính thức nhằm phục vụ cả hai mục đích xóa nghèo và tăng trưởng kinh tế.
- Các nông dân có xu hướng dựa vào các hoạt động phi nông nghiệp và chuyển tiền kiều hối để đối phó với các rủi ro biến động giá nông sản.

Cần nhằm vào các đối tượng dễ bị tổn thương trong ngắn hạn, cũng như chiến lược hướng tới tăng trưởng về dài hạn

Điều tra Hộ Gia đình do Viện Nghiên cứu JICA đang thực hiện

■ **Mục tiêu nghiên cứu (Tổng thể)**

- Để phân tích các yếu tố quyết định tăng trưởng và giảm nghèo ở nông thôn Inđônêxia.
- Điều tra hộ gia đình tổng thể: hơn 2,000 hộ gia đình trong 98 làng ở 7 tỉnh thành phố (điều tra cùng đối tượng vào tháng 4 năm 2007 và 2010).

■**Điều tra nhanh (Hàng quý, sử dụng một phần của điều tra tổng thể)**

- Để phân tích tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện tại tới các khu vực nông thôn Inđônêxia.
- Bộ số liệu thống nhất theo quý của 100 hộ gia đình nông thôn tại 2 tỉnh. Từ tháng 11/2009, tăng thành 150 hộ gia đình ở 3 tỉnh.

Địa điểm hai tỉnh được điều tra

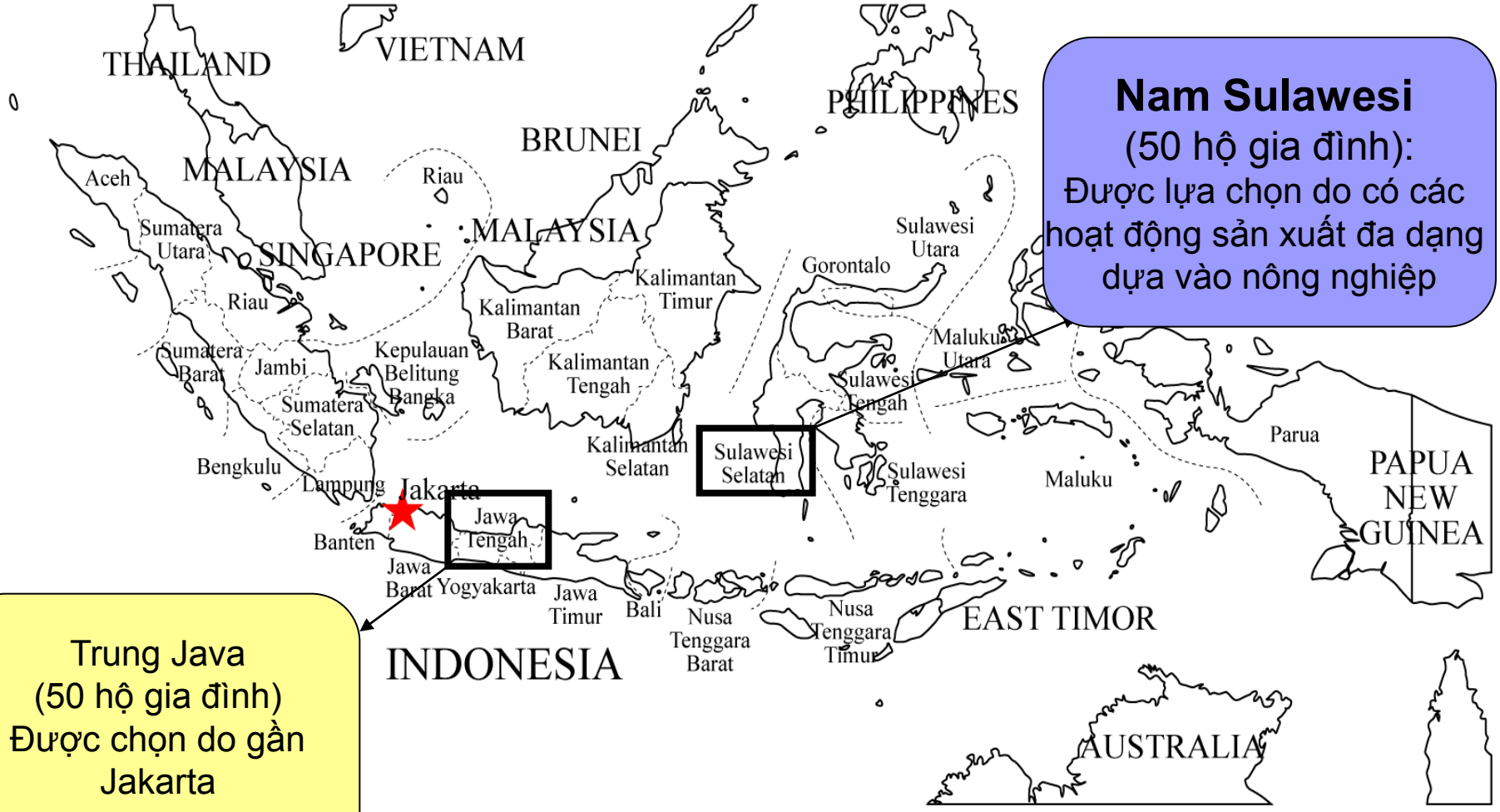

Nam Sulawesi
(50 hộ gia đình):
Được lựa chọn do có các hoạt động sản xuất đa dạng dựa vào nông nghiệp

Trung Java
(50 hộ gia đình)
Được chọn do gần Jakarta

Kết quả(1)

Số lượng hộ gia đình với tổng thu nhập tính theo đầu người của cả hộ tăng/giảm (2007 và 2009)

	Toàn bộ mẫu	Trung Java	Nam Sulawesi
Tổng thu nhập giảm	39	28	11
Tổng thu nhập tăng	61	22	39
Tổng	100	50	50

Vào đợt điều tra tháng 4/2010, chúng tôi sẽ tiếp tục xem xét hơn 2000 hộ gia đình tại 7 tỉnh thành phố.

Kết quả (2)

Thay đổi trong các nguồn thu nhập hộ gia đình từ năm 2007 tới 2009 (%)

	All samples		Central Java		South Sulawesi	
	2007	2009	2007	2009	2007	2009
Thu nhập nông nghiệp	40.7	32.6	31.6	12.0	68.4	64.6
Thu nhập từ việc làm nông nghiệp	3.2	3.4	2.5	1.7	5.1	6.0
Thu nhập từ việc làm phi nông nghiệp	21.5	10.8	24.3	13.4	12.9	6.7
Thu nhập từ công việc tự làm chủ	32.9	49.8	40.6	70.4	9.7	17.6
Chuyển tiền	1.7	3.4	1.0	2.4	3.9	5.1

Kết quả(3)

Mối quan hệ giữa giá xuất khẩu và thu nhập nông nghiệp

Biến phụ thuộc	Thay đổi trong thu nhập nông nghiệp	
Lúa	+	+
Ngô		
Sắn		
Bắp cải	+	
Hẹ tây		
Thuốc lá	–	–
Cà phê	+	
Cacao		
Nam Sulawesi		Không có
Trung Java	Bỏ	Không có
Biến giả Tỉnh	Có (ở trên)	
Biến giả Làng	Không có	Có
R^2	0.3256	0.3377
Số quan sát	98	98

Những "đối tượng dễ tổn thương" được xác định bao gồm:

ác hộ gia đình sản xuất nông sản nhạy cảm vớ sự biến động về giá của hàng hóa xuất khẩu , và cố gắng bù đắp những tác động tiêu cực bằng cách tăng lượng chuyển tiền nhận về (ở Nam Sulawesi)

hoặc thu nhập từ các công việc tự làm chủ (ở Trung Java).

Kết quả (4)

- Số ngày nghỉ học do bị ốm

Kết quả sơ bộ:

1. **Trung Java**
   - 2.17 ngày/3 tháng tại các gia đình có thu nhập giảm
   - 1.45 ngày/3 tháng tại các gia đình có thu nhập tăng

2. **Nam Sulawesi**
   - 2.17 ngày/3 tháng tại các hộ gia đình có lượng chuyển tiền nhận được giảm đi
   - 0.16 ngày/3 tháng tại các hộ gia đình có lượng chuyển tiền nhận được tăng lên

Thay đổi về thu nhập không tạo ra sự khác biệt nào về số ngày nghỉ học.

Chúng tôi sẽ tiếp tục xem xét theo điều tra hộ gia đình trên quy mô tổng thể (7 tỉnh) vào tháng 4/2010.

Các ý nghĩa chính sách (ví dụ, khi thiết kế trợ cấp tiền mặt có điều kiện)

- Đối ngược với hình ảnh chung phổ biến của Châu Á là "đầu tầu tăng trưởng của kinh tế toàn cầu", tác động của khủng hoảng toàn cầu ở cấp vi mô là không đồng nhất và phức tạp.
- Nhằm thiết kế "cơ chế trợ cấp tiền mặt có điều kiện" hiệu quả và bền vững trong điều kiện tài khóa khó khăn, cần tập trung hỗ trợ những "đối tượng dễ bị tổn thương" bị tác động mạnh nhất, dựa trên kết quả các nghiên cứu tốt.

XIN CÁM ƠN